TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST Ngày 22-8-2023 V/v tranh chấp xác định cha cho con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lượng

Ông Nguyễn Văn Ước

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp xác định cha cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ HKTT: Thôn V, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại đội 31, phân trại số 01, trại giam T, Cục C10, Bộ Công an; địa chỉ: Xã C, huyện C1, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Thanh H, sinh năm 1988; địa chỉ HKTT: Thôn U, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại: Đội 32, phân trại số 03, Trại giam H, Cục C10, Bộ Công an; địa chỉ: Phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/5/2023, bản tự khai ngày 22/5/2023, nguyên đơn chị N trình bày: Chị và anh Trần Văn T có quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 6 năm 2015 và sinh được 01 con chung vào ngày 23/12/2016, dự định đặt tên là Trần Minh H1 theo giấy chứng sinh số 125 ngày 23/12/2016, quyển số 26 của Bệnh viện K1, Hải Phòng. Đến tháng 4/2018 anh T thực hiện hành vi phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và hiện đang chấp hành án tại Trại giam T.

Trong thời gian trên thì chị N đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Phạm Thanh H. Do anh H thực hiện hành vi phạm tội "Giết người" nên bị bắt năm 2012 và phải chấp hành án tại Trại giam H. Thời gian đầu chị có đến thăm anh H nhưng sau đó vì xa cách nên không còn tình cảm; chị và anh H đã ly hôn tại Bản án số 15/2023/HNGĐ-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

Để đảm bảo quyền lợi của con chung, chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về xác định cha cho con. Do anh T đang phải chấp hành án tại Trại giam T nên chị N đã có đơn gửi Tòa án đề nghị Công ty dịch vụ phân tích di truyền (viết tắt là Công ty Gentis); địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà HCMCC, 249 A đường T1, quận T, thành phố Hà Nội là công ty có chức năng giám định AND để thực hiện thủ tục giám định. Tại PH1 kết quả phân tích ADN mã số: HID23 31932 ngày 11/8/2023 của Công ty Gentis kết luận: Anh Trần Văn T và cháu dự định đặt tên là Trần Minh H1 có quan hệ huyết thống Cha - Con. Nay chị đề nghị Tòa án xác định anh Trần Văn T là cha đẻ của cháu bé do chị sinh ra ngày 23/12/2016, theo giấy chứng sinh số 125 ngày 23/12/2016, quyển số 26 của Bệnh viện K1, Hải Phòng, dự định đặt tên là Trần Minh H1.

Tại giấy xác nhận ngày 13/7/2023 và bản tự khai ngày 10/8/2023, bị đơn anh T trình bày: Thống nhất toàn bộ nội dung như chị N đã khai. Thời gian anh và chị N có quan hệ tình cảm với nhau thì chị N đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Phạm Thanh H. Ngày 23/12/2016, anh và chị N sinh được 01 con chung dự định đặt tên là Trần Minh H1, theo giấy chứng sinh số 125 ngày 23/12/2016, quyển số 26 của Bệnh viện K1, Hải Phòng. Năm 2018 anh thực hiện hành vi phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" nên đang phải chấp hành án tại Trại giam T. Nay chị N đề nghị Tòa án xác định anh là cha đẻ của cháu bé do chị N sinh ra ngày 23/12/2016, dự định đặt tên là Trần Minh H1; anh đồng ý và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24/7/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh H trình bày: Anh tự nguyện kết hôn với chị N thời gian năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên từ năm 2014 anh và chị N đã sống ly thân. Đến ngày 15/3/2023

anh chị đã ly hôn tại Bản án số 15/2023/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng. Anh khẳng định cháu bé do chị N sinh ra ngày 23/12/2016, dự định đặt tên là Trần Minh H1 là con riêng của chị N, mặc dù được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp của anh chị. Vì vậy anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị N và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do anh đang chấp hành án tại Trại giam H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị N là nguyên đơn và anh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T là bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 4 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc xác định anh Trần Văn T là cha đẻ của cháu bé do chị Vũ Thị N sinh ra ngày 23/12/2016, theo giấy chứng sinh số 125 ngày 23/12/2016, quyển số 26 của Bệnh viện K1, Hải Phòng, dự định đặt tên là Trần Minh H1. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định cha cho con. Anh T có địa chỉ HKTT tại thôn V, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; căn cứ vào khoản 4 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về xác định cha cho con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Chị N là nguyên đơn, anh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh T là bị đơn vắng mặt do đang chấp hành án tại trại giam T, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227;

khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu xác định cha cho con: Chị N và anh T có quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 6 năm 2015 và sinh được 01 con chung vào ngày 23/12/2016, dự định đặt tên là Trần Minh H1 theo giấy chứng sinh số 125 ngày 23/12/2016, quyển số 26 của Bệnh viện K1, Hải Phòng. Tuy nhiên, khi sinh con thì chị N đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Phạm Thanh H. Đến ngày 15/3/2023 chị N và anh H ly hôn tại Bản án số 15/2023/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng. Mặc dù theo Luật Hôn nhân và gia đình thì con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng; nhưng chị N và anh T đều thừa nhận anh T là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Trần Minh H1; anh H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị N. Tại PH1 kết quả phân tích ADN mã số: HID23 31932 ngày 11/8/2023 của Công ty Gentis kết luận: Anh Trần Văn T và cháu dự định đặt tên là Trần Minh H1 có quan hệ huyết thống Cha - Con.

[4] Hội đồng xét xử thấy lời trình bày của các đương sự phù hợp với nhau, với biên bản xác minh tại địa phương và phù hợp với kết quả phân tích ADN ngày 11/8/2023 của Công ty Gentis. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc xác định anh Trần Văn T là cha đẻ của cháu bé sinh ra ngày 23/12/2016, theo giấy chứng sinh số 125 ngày 23/12/2016, quyển số 26 của Bệnh viện K1, Hải Phòng, dự định đặt tên là Trần Minh H1 theo quy định tại Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị N được chấp nhận, nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N, xác định: Anh Trần Văn T là cha đẻ của cháu bé do chị Vũ Thị N sinh ra ngày 23/12/2016, theo giấy chứng sinh số 125 ngày 23/12/2016, quyển số 26 của Bệnh viện K1, Hải Phòng, dự định đặt tên là Trần Minh H1.

2. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Vũ Thị N, anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

- Anh Phạm Thanh H có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^{a} và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- UBND xã Đ, K, Hải Phòng;
- UBND xã Đ, N, Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngà